

Bài 30. NGUYÊN SINH VẬT

I MỤC TIÊU

Sau bài học, HS sẽ:

- Nhận biết được một số loài nguyên sinh vật thông qua tranh, ảnh.
- Nêu được các đặc điểm cơ bản của nguyên sinh vật: cấu tạo cơ thể, kích thước, hình dạng, môi trường sống. Nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.
- Nêu được vai trò của nguyên sinh vật trong tự nhiên và đối với con người.

- Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên; vận dụng kiến thức để phòng, tránh các loại bệnh này.
- Tuyên truyền và thực hiện được các hành động giữ gìn vệ sinh môi trường.
- Nâng cao được năng lực hợp tác trong học tập.

II CHUẨN BỊ


- Các hình, ảnh về các đại diện của nguyên sinh vật (nguyên sinh động vật và các loài tảo).
- Thiết bị để chiếu các hình, ảnh lên màn ảnh.


III THÔNG TIN BỔ SUNG

- Theo hệ thống phân loại năm giới do nhà Sinh học người Mĩ là R.H. Whittaker đề xuất, giới Nguyên sinh là những sinh vật đơn bào hoặc đa bào, nhân thực. Giới Nguyên sinh bao gồm các nguyên sinh động vật đơn bào và tảo, khác với các quan niệm trước đó cho rằng tảo là sinh vật thuộc giới Thực vật. Từ thông tin này, GV có thể tìm hiểu để cung cấp cho HS các ví dụ, ứng dụng rộng rãi và gần gũi của nguyên sinh vật.
- Nguyên sinh vật có vai trò quan trọng trong tự nhiên, khoảng một nửa lượng oxygen trong khí quyển là sản phẩm quang hợp của tảo.

IV GỢI Ý TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY, HỌC


Hoạt động 1. KHỞI ĐỘNG

 Các loài nguyên sinh vật có kích thước rất nhỏ, hầu như không nhìn thấy bằng mắt thường nên GV cần dẫn dắt gián tiếp từ các hiện tượng trong tự nhiên hoặc trong thực tiễn đời sống hằng ngày. Do đó, khi bắt đầu vào bài cần cung cấp cho HS các thông tin, hình ảnh, hiện tượng gần gũi có liên quan đến nguyên sinh vật để HS thấy rằng nguyên sinh vật có ở xung quanh ta nhưng lại chưa được biết đến. Như vậy, sẽ giúp HS hứng thú tìm hiểu những sinh vật nào là nguyên sinh vật, chúng có đặc điểm gì và vai trò cũng như tác hại như thế nào.

 - Dùng ảnh hoặc chiếu hình bề mặt của ao, hồ có lớp váng màu xanh, vàng hoặc đỏ và giới thiệu nguyên nhân gây ra màu sắc của lớp váng đó là các sinh vật sống thuộc giới Nguyên sinh.

- GV đưa ra câu hỏi đặt vấn đề: Nguyên sinh vật là gì?

Hoạt động 2. HƯỚNG DẪN HỌC SINH VỀ ĐA DẠNG NGUYÊN SINH VẬT

 Hướng dẫn HS nhận biết về các đặc điểm của nguyên sinh vật như: hình dạng, môi trường sống, cấu tạo cơ thể,... dựa vào hình ảnh và thông tin trong SGK.



– HS đọc SGK để nêu các đặc điểm của nguyên sinh vật: cấu tạo cơ thể (đơn bào/ đa bào), kích thước,...

– Sử dụng Hình 30.1, giới thiệu cho HS các nguyên sinh vật trong hình đều có cấu tạo cơ thể chỉ là một tế bào. Từ đây gợi lại cho HS nhớ lại về tế bào, yêu cầu HS nhắc lại cấu tạo chính của một tế bào. Đồng thời, cũng cần cho HS hiểu dù là một tế bào nhưng nguyên sinh vật lại hoạt động như một cơ thể.

– Từ hình ảnh của các loài nguyên sinh vật, GV có thể đặt các câu hỏi liên quan đến nơi sống của chúng hoặc các hoạt động liên quan như vận động, dinh dưỡng.

Ví dụ: + Trùng roi, trùng giày, trùng biến hình di chuyển bằng bộ phận nào?

+ Trùng sốt rét sống ở đâu?

+ Lục lạp và sắc tố quang hợp có trong cơ thể nguyên sinh vật có vai trò như thế nào?

– Giới thiệu về các hình thức di chuyển, nơi sống của nguyên sinh vật.

– Yêu cầu HS quan sát hình kết hợp với thông tin trong SGK để trả lời các câu hỏi trong phần hoạt động.



1. Nguyên sinh vật có nhiều hình dạng khác nhau, có loài hình dạng cơ thể luôn luôn thay đổi (trùng biến hình).

2. Nguyên sinh vật có thể sống ở các môi trường như nước, dưới đất, trong cơ thể người. Môi trường sống của nguyên sinh vật rất đa dạng.

Hoạt động 3. TÌM HIỂU VAI TRÒ CỦA NGUYÊN SINH VẬT



Hướng dẫn HS khám phá về vai trò của nguyên sinh vật thông qua tranh, ảnh và các sản phẩm sử dụng hằng ngày có nguồn gốc từ nguyên sinh vật.



– Trong SGK có đề cập hai nhóm vai trò chính của nguyên sinh vật, đó là vai trò trong tự nhiên và vai trò đối với con người.

Vai trò trong tự nhiên:

– Cho HS đọc SGK về vai trò của nguyên sinh vật trong tự nhiên. HS cần thấy được nguyên sinh vật, cụ thể là tảo đã cung cấp phần lớn oxygen cho các động vật sống trong nước.

– Yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi trong SGK và câu hỏi bổ sung:

+ Tại sao tảo lại cung cấp được oxygen?

+ Tảo và các nguyên sinh động vật là nguồn thức ăn cho những sinh vật nào?

Vai trò đối với con người:

– Giới thiệu Hình 30.2 và thêm một số hình ảnh các loại thức ăn có sử dụng nguyên liệu từ tảo và đặt câu hỏi: Các em có nghĩ những đồ ăn này có thành phần là nguyên sinh vật hay không?

– GV giới thiệu thêm các hình ảnh về các loài nguyên sinh vật có ý nghĩa với đời sống con người. Yêu cầu HS quan sát hình kết hợp với đọc phần đọc hiểu trong SGK để trả lời các câu hỏi ngắn (SGK).



1. Các vai trò của nguyên sinh vật như: thực phẩm dinh dưỡng, nguyên liệu chế biến thực phẩm, nguyên liệu một số ngành công nghiệp, làm cảnh,... (B)

2. Một số sản phẩm từ tảo như: tảo dùng trong cơm cuốn, salad rong biển, thạch rau câu,... (B)

Hoạt động 4. TÌM HIỂU VỀ MỘT SỐ BỆNH DO NGUYÊN SINH VẬT



Hướng dẫn HS thấy được tác hại của nguyên sinh vật đối với con người cũng như các sinh vật khác, thông qua hoạt động này HS có ý thức bảo vệ sức khỏe và có hành động giữ gìn vệ sinh môi trường.



– Giới thiệu cho HS một số bệnh nguy hiểm có nguyên nhân gây bệnh là nguyên sinh vật.


– Yêu cầu HS đọc SGK về bệnh sốt rét và bệnh kiết lỵ. Có thể cho HS thảo luận nhóm, mỗi nhóm sẽ tìm hiểu về một bệnh và thực hiện các yêu cầu trong phần hoạt động đối với bệnh do nhóm tìm hiểu. Đối với nhóm tìm hiểu bệnh kiết lỵ, GV có thể hướng dẫn HS dựa vào thông tin trong SGK để vẽ được con đường truyền bệnh kiết lỵ.



	Bệnh sốt rét	Bệnh kiết lỵ
Tác nhân gây bệnh	Trùng sốt rét <i>Plasmodium</i> (B)	Amip lỵ <i>Entamoeba</i> (B)
Con đường lây bệnh	Lây qua đường máu do vật trung gian truyền bệnh là muỗi Anophen (B)	Lây qua đường ăn, uống khi ăn phải thức ăn có bào xác amip lỵ (B)
Biểu hiện bệnh	Rét run, sốt, đổ mồ hôi,... (B)	Đau bụng, đi ngoài, cơ thể mệt mỏi,... (B)
Cách phòng tránh bệnh	Tránh để bị muỗi đốt thông qua việc: mặc màn, vệ sinh môi trường để ngăn chặn sự xuất hiện và sinh sản của muỗi,... (VD)	Vệ sinh sạch sẽ tay và các đồ dùng ăn, uống. Ăn chín, uống sôi,... (VD)

– GV giải thích thêm cho HS biết vì sao bệnh nhân bị sốt rét thường bị sốt theo chu kì (24 giờ, 48 giờ hoặc 72 giờ).

– GV giới thiệu cho HS thêm thông tin về tác hại của nguyên sinh vật với các sinh vật khác thông qua nội dung “Em có biết?”.

 – Trong thực tế còn rất nhiều các ví dụ liên quan đến tác hại của nguyên sinh vật, do vậy nếu có thể GV sẽ giới thiệu thêm hoặc gợi mở để HS tiếp tục tìm tòi, khám phá.

– Đối với hoạt động tìm hiểu bệnh sốt rét, GV cần gợi mở cho HS biết rằng biện pháp ngăn chặn bệnh không đơn thuần chỉ ngăn không bị muỗi đốt mà phải là các biện pháp làm hạn chế sự xuất hiện và phát triển của muỗi, từ đó có ý thức và hành động đối với môi trường xung quanh.

V GỢI Ý KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Việc đánh giá kết quả học tập của HS sau bài học này có thể thông qua kết quả các câu trả lời của HS ở các câu hỏi và hoạt động trong SGK, câu hỏi GV bổ sung. Đặc biệt đánh giá khả năng HS vận dụng kiến thức vào việc phòng, tránh các bệnh do nguyên sinh vật gây ra.